

ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2021 – BM/HĐQT ngày ... tháng ... năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh)

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

.....

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội thường niên tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2021 và được ban hành theo Quyết định số .../2021 – BM/HĐQT ngày ... tháng ... năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1. *Ban điều hành (BDH)* bao gồm Tổng Giám đốc (TGD), các Phó Tổng giám đốc (PTGD) và Kế toán trưởng (KTT).
2. *Bản sao* là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.
3. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty Bảo Minh.
4. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
5. *Cổ phần* là các phần vốn điều lệ được chia bằng nhau theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cổ phần bao gồm Cổ phần phổ thông, Cổ phần ưu đãi và cũng như bất kỳ mọi loại chứng khoán khác của Bảo Minh cho cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Bảo Minh hoặc các lợi ích kinh tế trong vốn điều lệ của Bảo Minh.
6. *Cổ phần phổ thông* là cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VND trong vốn điều lệ của Bảo Minh cũng như bất kỳ mọi chứng khoán có thể chuyển đổi hoặc đổi thành cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VND trong vốn điều lệ của Bảo Minh.
7. *Cổ phần ưu đãi* là bất kỳ cổ phần nào như được định nghĩa tại Điều 114 của Luật Doanh Nghiệp mà không phải là Cổ phần phổ thông của Bảo Minh cũng như mọi chứng khoán có thể chuyển đổi hoặc đổi thành Cổ phần phổ thông.
8. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
9. *Công ty hoặc Bảo Minh* là Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

10. *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

11. *Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh* là Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/09/2004.

12. *Giấy tờ pháp lý của cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

13. *Giấy tờ pháp lý của tổ chức* là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

14. *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.

15. *Hoạt động kinh doanh* là hoạt động kinh doanh của Bảo Minh bao gồm bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh chứng khoán và quản lý tài sản như định nghĩa tại Luật Chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác phát sinh không trái với quy định pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

16. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

17. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

18. *Ngày thành lập* là ngày Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.

19. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

20. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

21. *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính; Giám đốc, Phó Giám đốc các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc.

22. *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

23. *Phần vốn góp* là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.

24. *Pháp luật* có nghĩa là các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.

25. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

26. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác.

27. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

28. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

29. *Tổ chức lại doanh nghiệp* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

30. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

31. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông..

32. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Bao Minh Insurance Corporation

- Tên Công ty viết tắt: BM hoặc BMI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: 0283 8294180 hoặc số điện thoại chính thức khác theo quyết định của Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn cụ thể.

- E-mail: baominh@baominh.com.vn hoặc email chính thức khác theo quyết định của Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn cụ thể.

- Website: baominh.com.vn hoặc website chính thức khác theo quyết định của Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn cụ thể

4. Công ty có thể thành lập các Công ty thành viên và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này hoặc quy định pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được xác định và thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là các ngành nghề theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà Nước và tạo việc làm ổn định cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh các ngành nghề theo Giấy phép thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **913.540.370.000 đồng** (Chín trăm mười ba tỷ năm trăm bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **91.354.037 cổ phần phổ thông** với mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần**.

2. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật)

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ đông trực tiếp giữ vị trí là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian xử lý hậu quả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc phải chuyển nhượng cổ phần theo phán quyết của Tòa án.

Hạn chế chuyển nhượng nêu trên chỉ có hiệu lực khi được quy định rõ tại cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

7. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

9. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đã kết thúc quá sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này, mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được

quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Quy định cụ thể về số lượng người mà cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này được đề cử thể hiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 và Điều 38 Điều lệ này.

6. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Bảo Minh. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia

hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc

Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Bảo Minh. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp

và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định áp dụng các hình thức họp được quy định tại Điều lệ này trong từng trường hợp phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

đ) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

e) Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại điểm a, điểm b khoản này có trách nhiệm bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc chậm trễ tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền, nghĩa vụ bằng cách thảo luận, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền, được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua bao gồm:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;

đ) Thông qua định hướng phát triển và mục tiêu chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của Công ty; Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh và đầu tư hàng năm của Công ty;

e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

g) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc Tổng số tiền thù lao và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

o) Quyết định bán, thanh lý, chuyển nhượng số tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Minh (“Giao dịch hạn chế”); loại trừ các trường hợp bán, thanh lý hoặc chuyển nhượng có liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và được tiến hành trong khuôn khổ các hoạt động kinh doanh bình thường của công ty. Để thực thi điều khoản này, công ty có thuê một chuyên gia độc lập do Đại hội đồng cổ đông chỉ định (chuyên gia này sẽ là một công ty kiểm toán quốc tế) để đưa ra một ý kiến khách quan về Giao dịch hạn chế đó và Bảo Minh sẽ không tiến hành giao dịch đó trong trường hợp có sự khác biệt cơ bản giữa ý kiến do Bảo Minh đề xuất và ý kiến do chuyên gia độc lập đó đưa ra trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại, trong mọi trường hợp, số cổ phần phổ thông được mua lại không vượt quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Quyết định về các thay đổi quan trọng về tính chất hoặc phạm vi Hoạt động kinh doanh của Bảo Minh hoặc các công ty liên kết của Bảo Minh, bao gồm cả Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp (UIC) cho đến khi công ty này còn là công ty liên kết của Bảo Minh;

u) Phát hành Cổ phần của Bảo Minh cho một Công ty Bảo hiểm Quốc tế hoặc ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận với bất kỳ Công ty Bảo hiểm quốc tế nào mà theo đó cho phép Công ty Bảo hiểm quốc tế đó trở thành cổ đông của Bảo Minh, điều khoản này không áp dụng đối với việc phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu trên cơ sở quyền ưu tiên mua bình thường phù hợp với quy định của khoản 6 Điều 6 Điều lệ này;

v) Chấp thuận việc Bảo Minh tham gia, đăng ký mua hoặc thuê mua các Cổ phần tại Công ty Bảo hiểm Quốc tế, trừ các trường hợp đầu tư tài chính thụ động bao gồm đầu tư thông qua thị

trường chứng khoán, theo đó việc đầu tư tài chính được coi là đầu tư tài chính thụ động nếu như Bảo Minh sở hữu không quá 10% cổ phần của công ty được đầu tư;

x) Chấp thuận việc Bảo Minh tham gia vào bất cứ liên doanh nào hoặc bất kỳ công ty hợp danh hoặc tham gia vào các hợp đồng hợp tác với bất kỳ Công ty Bảo hiểm Quốc tế nào;

y) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

A. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định, hình thức, thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp tại phiên họp toàn thể, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức này.

Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo hình thức trực tiếp tại phiên họp toàn thể được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến sẽ do Người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Mục này quyết định trong từng trường hợp cụ thể phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

B. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

C. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Mục này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Mục này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Mục này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Mục này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

D. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Các tài liệu dưới đây không cần gửi kèm theo Thông báo mời họp nhưng phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

E. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Mục này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải đáp ứng quy định tại Điều 16 Điều lệ này. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Biểu quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này hoặc biểu quyết về việc miễn áp dụng điều khoản của Điều lệ này;

b) Thay đổi về số lượng thành viên Hội đồng quản trị (hiện nay Hội đồng quản trị bao gồm bảy (7) thành viên) và số lượng các thành viên của Ban Kiểm soát (hiện nay số lượng thành viên là năm (5));

c) Quyết định bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào về nội dung và phạm vi các Hoạt động kinh doanh của Bảo Minh hoặc các công ty liên kết của Bảo Minh, bao gồm cả Công ty Bảo Hiểm Liên Hiệp (UIC) cho đến khi công ty này còn là công ty liên kết của Bảo Minh;

d) Chấp thuận các quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Bảo Minh cũng như việc phá sản, giải thể, tái tổ chức, giải tán hoặc thanh lý Bảo Minh;

e) Việc phát hành và tổng số phát hành của các loại cổ phần, chứng khoán chuyển đổi hoặc chuyển thành cổ phần của Bảo Minh và phát hành cổ phần theo kế hoạch thưởng quyền mua cổ phần (stock-option);

f) Phát hành Cổ phần của Bảo Minh cho một Công ty Bảo hiểm Quốc Tế hoặc ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận với bất kỳ Công ty Bảo hiểm Quốc tế nào mà theo đó cho phép Công ty Bảo hiểm đó trở thành Cổ đông của Bảo Minh trừ trường hợp phát hành bất kỳ Cổ phần nào cho các cổ đông hiện hữu vào ngày phát hành thêm Cổ phần, trên cơ sở quyền ưu tiên mua của cổ đông này phù hợp với các quy định tại khoản 6 Điều 6 của Điều lệ này;

g) Chấp thuận việc Bảo Minh tham gia, đăng ký mua hoặc thu mua các cổ phần tại Công ty Bảo hiểm Quốc Tế, trừ các trường hợp đầu tư tài chính thụ động bao gồm đầu tư thông qua thị trường chứng khoán, theo đó việc đầu tư tài chính được coi là đầu tư tài chính thụ động nếu như Bảo Minh sở hữu không quá 10% cổ phần của công ty được đầu tư;

h) Chấp thuận việc Bảo Minh tham gia vào bất cứ liên doanh nào hoặc bất kỳ công ty hợp danh hoặc tham gia vào các hợp đồng hợp tác với bất kỳ Công ty Bảo hiểm Quốc Tế;

i) Quyết định về việc bán, thanh lý và chuyển nhượng các tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (“Giao dịch hạn chế”); loại trừ các trường hợp bán, thanh lý hoặc chuyển nhượng có liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và được tiến hành trong khuôn khổ các hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty. Để thực thi điều khoản này, sẽ áp dụng các thủ tục có liên quan đến việc thẩm định Giao dịch hạn chế như được đề cập tại điểm o khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 và Điều 38 Điều lệ này. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết trở lên tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không cần gửi tới mỗi cổ đông nhưng phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải công khai và trực tiếp; ngoài những trường hợp được quy định trong Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định bỏ phiếu kín trong các trường hợp khác.

8. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hoặc không tán thành.

9. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về mọi vấn đề khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 21. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Mục D Điều 18;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Minh;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Minh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hợp lệ có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông không có ý kiến hoặc biểu quyết không tán thành.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Minh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

A. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Mục B Điều này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

B. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục A Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn ứng cử viên từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa

sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Là cổ đông hoặc người do cổ đông đề cử;
- b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- c) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- d) Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:
 - Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;
 - Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;
 - Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm.
- đ) Có trình độ đại học trở lên, có kiến thức chuyên ngành kinh tế, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- e) Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu 05 năm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị; 03 năm đối với các thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là công dân nước ngoài thì phải có khả năng nói, viết thành thạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh;
- g) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
- h) Không có tiền án tiền sự;
- i) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác ngoại trừ các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong cùng lĩnh vực. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị không được giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị tại nhiều hơn 05 công ty tại cùng một thời điểm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

j) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời giữ vai trò người quản lý tại các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong cùng lĩnh vực, trừ trường hợp doanh nghiệp này là công ty con của Bảo Minh;

j) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có bảy (07) thành viên. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông thay đổi số thành viên Hội đồng quản trị trong khoảng từ năm (05) thành viên đến 11 (mười một). Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Tỷ lệ số thành viên Hội đồng quản trị là người nước ngoài, hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được vượt quá tỷ lệ cổ phần của các cổ đông nước ngoài tại Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị mang quốc tịch nước ngoài, hoặc quốc tịch Việt Nam nhưng định cư ở nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để

quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua phương hướng, chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để trình việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh hàng năm khi có các yếu tố bất thường mà Hội đồng quản trị xét thấy hợp lý trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;

b) Kiến nghị, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề :

- Tăng giảm vốn điều lệ và sửa đổi điều kiện chuyển nhượng Cổ phần;
- Kiến nghị chiến lược huy động vốn;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
- Kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty hoặc miễn áp dụng điều khoản của Điều lệ này;

Điều lệ này;

- Đề xuất việc tái cơ cấu, giải thể, giải tán, chấm dứt, phá sản, tái tổ chức Bảo Minh;

c) Quyết định chế độ tiền lương và quy chế phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống;

d) Quyết định nơi đặt trụ sở chính của Công ty;

đ) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

f) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

h) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định tại Điều lệ này;

i) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản, quyền tài sản khác theo quy định pháp luật;

j) Quyết định bán, thanh lý, chuyển nhượng số tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Minh (“Giao dịch hạn chế”); loại trừ các trường hợp bán, thanh lý hoặc chuyển nhượng có liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và được tiến hành trong khuôn khổ các hoạt động kinh doanh bình thường của Bảo Minh;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị lớn hơn mười triệu EUR (tỷ giá quy đổi là tỷ giá chuyển khoản do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm ký kết hợp đồng), trừ trường hợp:

- Các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;

- Các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

- Các hợp đồng, giao dịch phát sinh từ hoặc có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư, tài chính, thương mại, dân sự, lao động và các hoạt động kinh doanh khác của công ty theo quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động;

- Các hợp đồng, giao dịch mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc các hợp đồng, giao dịch khác phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc duy trì hoạt động thường xuyên của công ty.

l) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng của Công ty;

m) Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

n) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Giám sát Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, Nghị quyết và các quy định của HĐQT;

q) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên; quyết định thành lập công ty con, công ty thành viên, văn phòng đại diện;

r) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài (ngoại trừ các trường hợp được quy định tại điểm v và điểm x khoản 2 Điều 15 Điều lệ này);

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của công ty bao gồm:

- Quy chế tài chính;

- Quy chế công bố thông tin;

- Quy chế quản trị rủi ro.

v) Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của mình.

Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban được quy định chi tiết tại Điều 31 Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

x) Sử dụng con dấu, bộ máy tổ chức và nhân sự của Bảo Minh;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký Công ty được kiêm nhiệm các chức danh người điều hành tại công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Việc tiến hành họp Hội đồng quản trị phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Trình tự và nội dung biên bản được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý, người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có nội dung họp dự kiến cần biểu quyết).

Ngoại trừ quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều này, địa điểm họp được xác định địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. Địa điểm họp trong trường hợp quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều này được xác định là địa điểm Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc thư điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc (nơi ở/trụ sở làm việc/số điện thoại/số fax/địa chỉ thư điện tử) của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp trên điện thoại hoặc hình thức phương tiện liên lạc thông tin, hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác, phiếu biểu quyết phải được bảo mật và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 45 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

13. Hội đồng quản trị có quyền thông qua Nghị quyết bằng việc tiến hành cuộc họp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến thông qua thư tín, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác, miễn là đảm bảo Chủ tịch hoặc người được Chủ tịch ủy quyền, trong cùng một ngày, sẽ phát thông báo, nghị quyết được đề xuất bằng văn bản và các tài liệu có liên quan khác đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến. Chủ tịch sẽ thông báo kết quả lấy ý kiến bằng văn bản tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) Ngày Làm Việc kể từ thời hạn cuối cùng mà các thành viên Hội đồng quản trị phải cho ý kiến.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức thông qua hội nghị trực tuyến, họp trên điện thoại hoặc hình thức phương tiện liên lạc thông tin, hình thức điện tử khác khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện thông qua hội nghị trực tuyến, họp trên điện thoại hoặc hình thức phương tiện liên lạc thông tin, hình thức điện tử khác (kể cả việc sử dụng phương tiện diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hội nghị trực tuyến, điện thoại hoặc các hình thức khác trong khoản này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản này cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp.

15. Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua phải được thông báo lên website và các hình thức khác theo quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là Tiểu ban Chính sách – Phát triển; Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban khác ngoài Tiểu ban Chính sách – Phát triển; Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Lương thưởng phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban được quy định chi tiết tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, được kiêm nhiệm các chức danh người điều hành tại công ty nhưng không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Làm biên bản các cuộc họp;

j) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

k) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

l) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành

Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính; Giám đốc, Phó Giám đốc các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Cách thức phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được quy định chi tiết tại Quy chế quản trị nội bộ Bảo Minh.

Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm.

d) Có bằng đại học hoặc trên đại học;

đ) Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp;

e) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản trị, điều hành theo quy định tại Điều 25 Nghị định 73/2016/NĐ-CP tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoặc trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo hiểm;

f) Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp khác;

g) Không được đồng thời làm việc hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tại doanh nghiệp bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam;

h) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Ban hành các quy chế về điều hành hoạt động kinh doanh ngoài thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các quy tắc, điều khoản và biểu phí của các loại hình bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

đ) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định chương trình tái bảo hiểm hàng năm;

j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ mười triệu EUR trở xuống (tỷ giá quy đổi là tỷ giá chuyển khoản do Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm ký kết hợp đồng), trừ trường hợp quy định tại Điểm m Khoản này;

l) Quyết định nội dung, giá trị các hợp đồng, giao dịch thuộc các trường hợp dưới đây:

- Các hợp đồng, giao dịch phát sinh từ hoặc có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư, tài chính, thương mại, dân sự, lao động và các hoạt động kinh doanh khác của công ty theo quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động;

- Các hợp đồng, giao dịch mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc các hợp đồng, giao dịch khác phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc duy trì hoạt động thường xuyên của công ty;

m) Trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cũng như đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó;

n) Phân công hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Bảo Minh hoặc cán bộ quản lý khác đại diện mình thực hiện một số công việc của Bảo Minh;

o) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Bảo Minh cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

p) Từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát biết;

q) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khác và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết;

r) Trước 31/12 hàng năm, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp. Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo phải phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

s) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn và hàng năm của Bảo Minh (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn và hàng năm của Bảo Minh theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Bảo Minh;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc theo quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 36. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề xuất của Tổng Giám đốc và trình tự, thủ tục do Hội đồng quản trị ban hành;

2. Phó Tổng Giám đốc tham gia điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty trong phạm vi theo sự ủy quyền, phân công của Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật kế toán và thực hiện chức năng, nhiệm vụ khác

trong phạm vi theo sự ủy quyền, phân công của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Cách thức tổ chức, phối hợp làm việc giữa Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc quyết định trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật;

4. Tiêu chuẩn của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm.

d) Có bằng đại học hoặc trên đại học.

e) Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp.

g) Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm.

h) Đối với kế toán trưởng, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn tại Khoản này, phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của kế toán trưởng quy định tại các văn bản pháp luật về kế toán và có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về kế toán hoặc kiểm toán trong lĩnh vực bảo hiểm.

i) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm

Điều 37. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

2. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
- c) Chưa có tiền án tiền sự;

d) Kiểm soát viên phải là cổ đông hoặc người được cổ đông đề cử; nhưng không phải là người quản lý, người điều hành trong Công ty và không nhất thiết phải là người lao động của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điểm k Khoản này;

đ) Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương

trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm;

e) Không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

f) Có bằng đại học hoặc trên đại học;

g) Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu 03 năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

h) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;

i) Trường hợp kiểm soát viên là công dân nước ngoài thì phải có khả năng nói, viết thành thạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

j) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty;

k) Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Kiểm soát viên có thể bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải được sự nhất trí của các Kiểm soát viên còn lại.

3. Trong các trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát bầu hoặc cử một (01) người tạm thay thế.

4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

2. Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

c) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

đ) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

e) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, công ty thành viên và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

g) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

i) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

j) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

k) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

l) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.

m) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

n) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

o) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này và các quy chế nội bộ khác, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, và trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm, phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

p) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

q) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

r) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

s) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

t) Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

a) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).

6. Cách thức, cơ chế phối hợp làm việc giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích

cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Bảo Minh nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty có liên quan với Bảo Minh tại từng thời kỳ, bao gồm các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

7. Hợp đồng hoặc giao dịch (ngoại trừ Hợp đồng bảo hiểm) giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, thành viên Ban Điều hành, cán bộ quản lý, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Bảo Minh và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều cá nhân thuộc đối tượng nói trên là thành viên (sau đây gọi là “đối tượng nêu tại khoản này”), hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ bị vô hiệu hoá, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng nêu tại khoản này đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng nêu tại khoản này đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các đối tượng nêu tại khoản này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. Ngoài ra, các đối tượng trên cũng không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Bảo Minh hoặc công ty con của Bảo Minh vào thời điểm họ có được những thông tin mà các cổ đông khác không biết và chắc chắn những thông tin này sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc

được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Bảo Minh.

CHƯƠNG XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và

chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức được chia hàng năm từ lợi nhuận giữ lại theo mức Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Bảo Minh.

Trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ Cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Bảo Minh không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Bảo Minh phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Trong hoạt động kinh bảo hiểm Công ty được thành lập các quỹ và dự phòng nghiệp vụ theo đúng quy định hiện hành theo từng thời điểm của Bộ Tài chính.

8. Hàng năm, Công ty phải có trách nhiệm trích nộp các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế của mình với tỷ lệ theo quy định của pháp luật. Đối với các Quỹ pháp luật không quy định tỷ lệ cụ thể, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI.

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được

phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

CHƯƠNG XVII.

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Tổng Giám đốc quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của công ty do Tổng Giám đốc ban hành theo từng giai đoạn cụ thể. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động đề cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ, các quy định giữa:

a) Cổ đông với công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) Một (01) bản nộp tại Bộ Tài chính;
- b) Một (01) bản nộp tại Sở Kế hoạch – Đầu tư TP. Hồ Chí Minh;
- c) Tám (08) bản lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Anh Tuấn

PHU LUC

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

1. CÔNG TY BẢO MINH AN GIANG (BẢO MINH AN GIANG)

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Văn Cung, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang

Điện thoại : (0296) 394 4096

Fax: (0296) 394 4095

2. CÔNG TY BẢO MINH BÀ RỊA VŨNG TÀU (BẢO MINH BÀ RỊA-VŨNG TÀU)

Địa chỉ : 35A Đường 3 Tháng 2, P.8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 385 4652

Fax : (0254) 385 4696

3. CÔNG TY BẢO MINH BẠC LIÊU (BẢO MINH BẠC LIÊU)

Địa chỉ: Số 348 Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại : (0291) 382 8875

Fax: (0291) 382 8876

4. CÔNG TY BẢO MINH BẮC GIANG (BẢO MINH BẮC GIANG)

Địa chỉ: Số 30, Đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: (0240) 3824700

Fax: (0240) 3824677

5. CÔNG TY BẢO MINH BẮC NINH (BẢO MINH BẮC NINH)

Địa chỉ: 09 Lê Thái Tổ, P. Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : (0222) 387 4095

Fax: (0222) 381 0064

6. CÔNG TY BẢO MINH BẾN NGHÉ (BẢO MINH BẾN NGHÉ)

Địa chỉ: Số 17 Nguyễn Quý Cảnh, P. An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 22536068

Fax: (028) 22538068

7. CÔNG TY BẢO MINH BẾN THÀNH (BẢO MINH BẾN THÀNH)

Địa chỉ: Số 159 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 6290 4086

Fax: (028) 6290 4087

8. CÔNG TY BẢO MINH BẾN TRE (BẢO MINH BẾN TRE)

Địa chỉ: Số 109A Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (0275) 382 1235

Fax: (0275) 382 1233

9. CÔNG TY BẢO MINH BÌNH DƯƠNG (BẢO MINH BÌNH DƯƠNG)

Địa chỉ: 522 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại : (0274) 382 7641

Fax: (0274) 382 7642

10. CÔNG TY BẢO MINH BÌNH ĐỊNH (BẢO MINH BÌNH ĐỊNH)

Địa chỉ: Số 87 đường Mai Xuân Thưởng, TP. Qui Nhơn, Bình Định.

Điện thoại : (0256) 382 2174

Fax: (0256) 382 9077

11. CÔNG TY BẢO MINH BÌNH PHƯỚC (BẢO MINH BÌNH PHƯỚC)

Địa chỉ: 1163 Phú Riêng Đỏ, P. Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : (0271) 387 0248

Fax: (0271) 388 7115

12. CÔNG TY BẢO MINH BÌNH THUẬN (BẢO MINH BÌNH THUẬN)

Địa chỉ: Số L77 Đường Tôn Đức Thắng, P. Xuân An, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại : (0252) 383 9130

Fax: (0252) 383 9132

13. CÔNG TY BẢO MINH CÀ MAU (BẢO MINH CÀ MAU)

Địa chỉ: 146 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP. Cà Mau.

Điện thoại : (0290) 383 1895

Fax: (0290) 358 0017

14. CÔNG TY BẢO MINH CẦN THƠ (BẢO MINH CẦN THƠ)

Địa chỉ: Số 8 Phan Văn Trị, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại : (0292) 382 6436

Fax: (0292) 382 6858

15. CÔNG TY BẢO MINH CHỢ LỚN (BẢO MINH CHỢ LỚN)

Địa chỉ: Số 81 Đường Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 3834 1688

Fax: (028) 3834 1687

16. CÔNG TY BẢO MINH ĐÀ NẴNG (BẢO MINH ĐÀ NẴNG)

Địa chỉ: 214 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : (0236) 369 1092

Fax: (0236) 385 888

17. CÔNG TY BẢO MINH ĐẮK LẮK (BẢO MINH ĐẮK LẮK)

Địa chỉ: 98 Ngô Quyền, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại : (0262) 3550 099

Fax: (0262) 3952 100

18. CÔNG TY BẢO MINH ĐẮK NÔNG (BẢO MINH ĐẮK NÔNG)

Địa chỉ: Lê Thị Hồng Gấm, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TX. Gia Nghĩa, Đắk Nông

Điện thoại : (0261) 354 6176

Fax: (0261) 354 4552

19. CÔNG TY BẢO MINH ĐÔNG ĐÔ (BẢO MINH ĐÔNG ĐÔ)

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3352 6928

Fax: (024) 3351 1548

20. CÔNG TY BẢO MINH ĐỒNG NAI (BẢO MINH ĐỒNG NAI)

Địa chỉ: 32 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 382 7464

Fax: (0251) 382 7457

21. CÔNG TY BẢO MINH ĐỒNG THÁP (BẢO MINH ĐỒNG THÁP)

Địa chỉ: 70 Võ Trường Toản, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (0277) 385 3256

Fax : (0277) 385 3623

22. CÔNG TY BẢO MINH GIA ĐỊNH (BẢO MINH GIA ĐỊNH)

Địa chỉ: 778B đường Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 3995 8658 - (028) 3995 8659

Fax: (028) 3995 8650 - (028) 3995 8651

23. CÔNG TY BẢO MINH GIA LAI (BẢO MINH GIA LAI)

Địa chỉ: 03 Trần Hưng Đạo, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : (0269) 371 6655

Fax: (0269) 371 7107

24. CÔNG TY BẢO MINH HÀ NỘI (BẢO MINH HÀ NỘI)

Địa chỉ: 10 Phan Huy Chú, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3945 4277

Fax: (024) 3945 4276

25. CÔNG TY BẢO MINH HÀ NAM (BẢO MINH HÀ NAM)

Địa chỉ: Số 170 Lê Công Thanh, Tổ 22, P. Trần Hưng Đạo, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại : (0226) 384 4425

Fax: (0226) 384 2585

26. CÔNG TY BẢO MINH HÀ TĨNH (BẢO MINH HÀ TĨNH)

Địa chỉ: Số 193 Hà Huy Tập, P. Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại : (0239) 369 0668

Fax: (0239) 385 9111

27. CÔNG TY BẢO MINH HẢI DƯƠNG (BẢO MINH HẢI DƯƠNG)

Địa chỉ: 5 Hồng Quang, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : (0220) 384 0928

Fax: (0220) 385 0150

28. CÔNG TY BẢO MINH HẢI PHÒNG (BẢO MINH HẢI PHÒNG)

Địa chỉ: 01 Hoàng Diệu, P. Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại : (0225) 382 2812

Fax: (0225) 382 3360

29. CÔNG TY BẢO MINH HƯNG YÊN (BẢO MINH HƯNG YÊN)

Địa chỉ: Km 2, đường Nguyễn Văn Linh, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : (0221) 386 5221

Fax : 0221) 386 5155

30. CÔNG TY BẢO MINH KIÊN GIANG (BẢO MINH KIÊN GIANG)

Địa chỉ: 1186 Nguyễn Trung Trực, P. An Bình, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 391 1923

Fax: (0297) 391 1922

31. CÔNG TY BẢO MINH KON TUM (BẢO MINH KON TUM)

Địa chỉ : 102 Nguyễn Đình Chiểu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: (0260) 391 3237

Fax: (0260) 386 2354

32. CÔNG TY BẢO MINH KHÁNH HÒA (BẢO MINH KHÁNH HÒA)

Địa chỉ: 86 Quang Trung, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3522 888

Fax: (0258) 3522 000

33. CÔNG TY BẢO MINH LẠNG SƠN (BẢO MINH LẠNG SƠN)

Địa chỉ: 25 Đường Nguyễn Du (Tầng 2), P. Đông Kinh, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: (0205) 371 3171

Fax : (0205) 371 3173

34. CÔNG TY BẢO MINH LÂM ĐỒNG (BẢO MINH LÂM ĐỒNG)

Địa chỉ: 29 – 31 Phan Bội Châu, phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: (0263) 382 0380

Fax: (0263) 382 0565

35. CÔNG TY BẢO MINH LÀO CAI (BẢO MINH LÀO CAI)

Địa chỉ: 243, Đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: (0214) 3678 676

Fax: (0214) 3821 566

36. CÔNG TY BẢO MINH LONG AN (BẢO MINH LONG AN)

Địa chỉ: 75 Hùng vương, Phường 2, Thành Phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại: (0272) 3521 451

Fax: (0272) 382 4719

37. CÔNG TY BẢO MINH NAM ĐỊNH (BẢO MINH NAM ĐỊNH)

Địa chỉ: Số 229, Tổ 31, Đường Hưng Yên, Phường Quang Trung, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại : (0228) 364 5754

Fax: (0228) 364 5758

38. CÔNG TY BẢO MINH NINH BÌNH (BẢO MINH NINH BÌNH)

Địa chỉ: 1A Nguyễn Huệ, P. Nam Bình, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại : (0229) 388 9755

Fax: (0229) 388 9766

39. CÔNG TY BẢO MINH NINH THUẬN (BẢO MINH NINH THUẬN)

Địa chỉ: 141 Quang Trung, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (0259) 383 0070

Fax: (0259) 382 0506

40. CÔNG TY BẢO MINH NGHỆ AN (BẢO MINH NGHỆ AN)

Địa chỉ: 60A Lê Hồng Phong, P. Hưng Bình, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại : (0238) 359 1889

Fax: (0238) 383 2327

41. CÔNG TY BẢO MINH PHÚ YÊN (BẢO MINH PHÚ YÊN)

Địa chỉ: 55 Lê Thánh Tôn, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Điện thoại : (0257) 382 3257

Fax: (0257) 382 7297

42. CÔNG TY BẢO MINH PHÚ THỌ (BẢO MINH PHÚ THỌ)

Địa chỉ: 2454 Đại Lộ Hùng Vương, P. Vân Cơ, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : (0210) 385 3333

Fax: (0210) 385 3678

43. CÔNG TY BẢO MINH QUẢNG BÌNH (BẢO MINH QUẢNG BÌNH)

Địa chỉ: 256 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại : (0232) 382 5425

Fax: (0232) 382 5426

44. CÔNG TY BẢO MINH QUẢNG NAM (BẢO MINH QUẢNG NAM)

Địa chỉ: Số 02A Trần Phú, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : (0235) 382 9955

Fax: (0235) 385 9489

45. CÔNG TY BẢO MINH QUẢNG NINH (BẢO MINH QUẢNG NINH)

Địa chỉ: Đường Phố Mới, P. Trần Hưng Đạo, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : (0203) 382 1126

Fax : (0203) 382 1551

46. CÔNG TY BẢO MINH QUẢNG NGÃI (BẢO MINH QUẢNG NGÃI)

Địa chỉ: 655 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : (0255) 382 5083

Fax: (0255) 382 4677

47. CÔNG TY BẢO MINH QUẢNG TRỊ (BẢO MINH QUẢNG TRỊ)

Địa chỉ: 158 Nguyễn Trãi, phường 1, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : (0233) 385 9801

Fax: (0233) 385 9001

48. CÔNG TY BẢO MINH SÀI GÒN (BẢO MINH SÀI GÒN)

Địa chỉ: Số 217 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3932 6262

Fax: (028) 3932 6060

49. CÔNG TY BẢO MINH SÓC TRĂNG (BẢO MINH SÓC TRĂNG)

Địa chỉ: 309 Lê Duẩn, Khóm 1, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (0299) 361 5287 - 361 6104

Fax: (0299) 361 6102

50. CÔNG TY BẢO MINH SÔNG BÉ (BẢO MINH SÔNG BÉ)

Địa chỉ: Số 108 Đường GS01, Khu phố Tây B, Phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0274) 246 1758

51. CÔNG TY BẢO MINH TÂY NINH (BẢO MINH TÂY NINH)

Địa chỉ: 397 Đại lộ 30 Tháng 4, Phường 1, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (0276) 382 6839

Fax: (0276) 382 9494

52. CÔNG TY BẢO MINH TIỀN GIANG (BẢO MINH TIỀN GIANG)

Địa chỉ: 1357 Hùng Vương, Tổ 2, Ấp 1, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : (0273) 388 8496

Fax: (0273) 388 0990

53. CÔNG TY BẢO MINH THANH HÓA (BẢO MINH THANH HÓA)

Địa chỉ: 753 Bà Triệu, P.Trường Thi, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : (0237) 385 0931

Fax: (0237) 385 0934

54. CÔNG TY BẢO MINH THÁI BÌNH (BẢO MINH THÁI BÌNH)

Địa chỉ: 01 Hoàng Diệu, P. Lê Hồng Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại : (0227) 384 8858

Fax: (0227) 384 8758

55. CÔNG TY BẢO MINH THÁI NGUYÊN (BẢO MINH THÁI NGUYÊN)

Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng 8, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : (0208) 375 0288

Fax : (0208) 375 0290

56. CÔNG TY BẢO MINH THĂNG LONG (BẢO MINH THĂNG LONG)

Địa chỉ: 02 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3933 4123

Fax : (024) 3933 4133

57. CÔNG TY BẢO MINH THỪA THIÊN HUẾ (BẢO MINH HUẾ)

Địa chỉ: 54 Bến Nghé, P. Phú Hội, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại : (0234) 382 6900

Fax: (0234) 382 8961

58. CÔNG TY BẢO MINH TRÀ VINH (BẢO MINH TRÀ VINH)

Địa chỉ: 18 Nguyễn Đăng, Phường 7, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : (0294) 386 2449

Fax: (0294) 386 5979

59. CÔNG TY BẢO MINH TRÀNG AN (BẢO MINH TRÀNG AN)

Địa chỉ: Số 10 Phan Huy Chú - Phường Phan Chu Trinh - Quận Hoàn Kiếm
- TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3825 1515

Fax : (024) 3825 1818

60. CÔNG TY BẢO MINH VĨNH LONG (BẢO MINH VĨNH LONG)

Địa chỉ: 68/8G Phạm Thái Bường, P. 4, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (0270) 383 0922

Fax: (0270) 387 8727

61. CÔNG TY BẢO MINH VĨNH PHÚC (BẢO MINH VĨNH PHÚC)

Địa chỉ: Số 6B Phạm Văn Đồng, P. Tích Sơn, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại : (0211) 3656 838

Fax: (0211) 3721 936

62. CÔNG TY BẢO MINH YÊN BÁI (BẢO MINH YÊN BÁI)

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Văn Cừ, P. Đồng Tâm, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Điện thoại: (0216) 385 0567

Fax: (0216) 385 0569

63. TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BẢO MINH

Địa chỉ: 26 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3829 4180